

Bản án số: 763/2018/HNST
Ngày: 14 - 6 - 2018
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Huệ

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Bá Hợp

Ông Võ Thành Viên

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Hùng là Thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hải Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 6 năm 2018 tại Phòng xử án của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 287/2018/TLST-HNGĐ ngày 13/3/2018 về tranh chấp Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 174/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 159/2018/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1969; cư trú tại: Số 102 L, Phường M, quận G, Thành phố H (Có mặt).

2. *Bị đơn:* Ông Dương Hiền N, sinh năm 1963; cư trú tại: Số 102 L, Phường M, quận G, Thành phố H (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 5 tháng 3 năm 2018, tại bản tự khai ngày 05/4/2018 Bà Nguyễn Thị L trình bày: bà và Ông Dương Hiền N chung sống với nhau vào năm 2001 nhưng đến năm 2014 mới đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 133, quyển số 01/2014. Quá trình chung sống có một người con chung tên Dương Thị Huyền L, sinh ngày 10/5/2001. Cuộc sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ năm 2006, nguyên nhân là do không hòa hợp về

tính tình, quan điểm sống. Ông N sống không có trách nhiệm với vợ con. Mọi công việc lớn, nhỏ trong gia đình đều do một mình bà gánh vác, lo toan; nhiều khi bà cảm thấy quá mệt mỏi nên đã nhiều lần ngồi lại và nói lên suy nghĩ của mình cho Ông N hiểu để có sự chia sẻ của người chồng nhưng Ông N vẫn không thay đổi. Nay bà nhận thấy tình cảm của bà đối với Ông N không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng đã sống ly thân được 5 năm nay nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Có 01 con chung tên Dương Thị Huyền L, sinh ngày 10 tháng 5 năm 2001. Bà Nguyễn Thị L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng không yêu cầu Ông N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

Phía bị đơn Ông Dương Hiền N mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập đến Tòa để ghi bản tự khai, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải nhưng Ông N vẫn không đến Tòa. Do đó Tòa án không ghi nhận được ý kiến của Ông N và không tiến hành hòa giải giữa các đương sự được.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn – Bà Nguyễn Thị L vẫn giữ nguyên yêu cầu như nêu trên, bà cương quyết yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn vì bà nhận thấy cuộc sống chung hoàn toàn không có hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được.

- Bị đơn – Ông Dương Hiền N trình bày: Ông xác nhận khi Tòa gửi giấy triệu tập cho ông đến Tòa để giải quyết vụ kiện nhưng ông không đến được là do thời gian đó ông đang phải nằm viện. Việc bà L trình bày ông sống không có trách nhiệm với vợ con là không đúng. Từ khi bắt đầu chung sống với bà L đến nay ông nhận thấy mình vẫn làm tròn trách nhiệm của một người chồng, người cha, hàng tháng sau khi nhận lương thì ông vẫn đưa cho bà L để lo cho gia đình, chỉ giữ lại một khoản để sinh hoạt hàng ngày. Thời gian gần đây ông bị bệnh, phải dùng tiền lương của mình để mua thuốc điều trị nên khoản tiền hàng tháng đưa cho bà L có thấp hơn so với trước. Vì sức khỏe của ông không được tốt nên đời sống sinh hoạt vợ chồng cũng bị hạn chế nên vợ chồng sống ly thân khoảng 5 năm nay nhưng ông và bà vẫn sống chung một nhà. Theo ông nhận thấy cuộc sống chung vẫn hạnh phúc, hoàn toàn không có mâu thuẫn gì. Vì vậy đối với yêu cầu ly hôn của bà L ông không đồng ý.

Quá trình chung sống ông và bà có tạo lập được khối tài sản là 02 quyền sử dụng đất gồm: 01 thửa đất ở tỉnh Long An và 01 thửa đất ở đảo Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang. Thời gian ông đi chữa bệnh bà L nói với ông là ủy quyền cho con trai là Trần Minh Tỉnh đứng tên thửa đất ở Long An để trả nợ nên ông đã đồng

ý; Tết năm 2018 em trai của bà Là Nguyễn Văn Liêm có hứa là sẽ chuyển nhượng căn nhà số 102 đường Lý Thường Kiệt , Phường 7, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh mà vợ chồng ông đang ở với giá 4.000.000.000 đồng nên ông đã làm giấy ủy quyền cho bà Ltoàn quyền quyết định mua bán thửa đất ở đảo Phú Quốc để chồng tiền cho Công ty của em trai bà Là Nguyễn Văn Liêm. Sau khi ông ký giấy ủy quyền xong thì bà Lnộp đơn ly hôn. Trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn thì ông đề nghị Tòa án giải quyết vấn đề chia tài sản.

Về con chung: Có 01 con chung tên Dương Thị Huyền L, sinh ngày 10 tháng 5 năm 2001. Ông đồng ý giao con chung cho bà Ltrực tiếp nuôi dưỡng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp phát biểu ý kiến:

1.Việc tuân theo pháp luật tố tụng:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 trong quá trình giải quyết vụ án về thẩm quyền thụ lý vụ án, xác định tư cách pháp lý và mối quan hệ của những người tham gia tố tụng cũng như thời hạn gửi các văn bản tố tụng cho các đương sự và hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về phiên tòa sơ thẩm.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của những người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án nguyên đơn, đã thực hiện đúng quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015

2. Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Láng.

- Về con chung: Giao con chung là trẻ Dương Thị Huyền L, sinh ngày 10/5/2001 cho bà Ltrực tiếp nuôi.

- Về tài sản chung, nợ chung: Tại phiên tòa Ông Yêu cầu chia tài sản chung nhưng không cung cấp bất kỳ chứng cứ nào cho Tòa, do đó không xét xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Quan hệ giải quyết trong vụ án giữa Bà Nguyễn Thị L và Ông Dương Hiền N là ly hôn. Ông Nhiên đang cư trú tại quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 đây là loại vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2]. Về nội dung:

Hôn nhân giữa Bà Nguyễn Thị L và Ông Dương Hiền N là hôn nhân tự nguyện và hợp pháp được pháp luật công nhận theo Giấy chứng nhận kết hôn số 133, quyền số 01/2014 do Ủy ban nhân dân Phường 7, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 04 tháng 11 năm 2014.

Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Hôn nhân chỉ đạt được mục đích khi xuất phát từ tình thương yêu giữa hai vợ chồng, cùng vun đắp, chăm sóc lẫn nhau để xây dựng một gia đình hạnh phúc.

Tại phiên tòa Ông N không đồng ý ly hôn nhưng không nêu được giải pháp để cải thiện cuộc sống hôn nhân, hàn gắn tình cảm vợ chồng và xác nhận vợ chồng đã sống ly thân khoảng 5 năm nay.

Nhận thấy cuộc sống hôn nhân giữa bà L và Ông N không hạnh phúc, phát sinh nhiều mâu thuẫn dẫn đến việc vợ chồng sống ly thân đã nhiều năm. Bản thân bà L xác định không còn tình cảm với Ông N nữa nên cương quyết yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn giữa bà L và Ông N đã trầm trọng, tình cảm không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó yêu cầu ly hôn của bà L là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 51, Khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung: Có 01 con chung là Dương Thị Huyền L, sinh ngày 10/5/2001.

Tại phiên tòa Ông N cũng nêu ý kiến trường hợp yêu cầu ly hôn của bà L được chấp nhận thì ông cũng đồng ý giao con chung là Dương Thị Huyền L, sinh ngày 10/5/2001 cho bà L trực tiếp nuôi, nguyện vọng của cháu Linh cũng muốn được ở với mẹ và hiện nay bà L cũng là người hiện đang trực tiếp nuôi dưỡng cháu Linh nên yêu cầu được nuôi con chung của bà L là có căn cứ để chấp nhận.

Về chia tài sản: Quá trình giải quyết vụ án bà Lkhông yêu cầu Tòa án giải quyết về vấn đề chia tài sản chung. Tại phiên tòa Ông Nêu cầu chia tài sản chung.

Xét, Tòa án đã thực hiện tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập cho Ông Đến Tòa để ghi bản tự khai, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải 02 lần nhưng Ông Nkhông đến tham gia phiên họp và Tòa án không nhận được ý kiến bằng văn bản của Ông Nvề việc chia tài sản. Ngày 09/5/2018 Tòa án đã ban hành Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 174/2018/QĐXXST-HNGĐ. Căn cứ Điều 200 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quy định: “Bị đơn có quyền đưa ra yêu cầu phản tố trước thời điểm mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải”. Đối chiếu theo quy định nêu trên thì thời hạn phản tố của ông Ngoc đã hết. Do đó, đối với yêu cầu chia tài sản chung của Ông Nnêu tại phiên Tòa Hội đồng xét xử không xét xét, giải quyết trong vụ kiện này. Các đương sự được quyền khởi kiện tranh chấp tài sản chung và nợ chung trong vụ kiện khác.

[3]. Về án phí:

Bà Lphải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 5, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 220, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 271, Điều 273 và Điều 278 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 26 Luật thi hành án dân sự có hiệu lực ngày 01/7/2009;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của Bà Nguyễn Thị L.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị L được ly hôn với Ông Dương Hiên N. Giấy chứng nhận kết hôn số 133, quyển số 01/2014 do Ủy ban nhân dân Phường 7, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 04 tháng 11 năm 2014 không còn hiệu lực.

2. Về nuôi con chung: Có 01 con chung tên Dương Thị Huyền L, sinh ngày 10 tháng 5 năm 2001.

Giao con chung cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng, bà L không yêu cầu Ông N cấp dưỡng nuôi con.

Anh Ngọc được quyền thăm nom con chung không ai được ngăn cản.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích mọi mặt của con chưa thành niên, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về chia tài sản chung, nợ chung: Tòa án không xem xét giải quyết trong vụ kiện này.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị L phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được cản trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng bà L đã nộp theo biên lai thu tiền số 0028726 ngày 13 tháng 3 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà L đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị L, Ông Dương Hiền N được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKS ND.Q. Gò Vấp;
- Chi cục THADS Q. Gò Vấp;
- UBND Phường 7, Q. Gò Vấp;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Huệ